TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số:11 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/4/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Sông Hương và bà Vi Thị Loan;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên;

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn L 1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt..

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.

Nơi ĐKHKTT: Thôn L 3, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở hiện nay: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1987.

Địa chỉ*:* Thôn L1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau từ năm 1997, có cưới hỏi theo phong tục tập

quán tại địa phương, nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, xúc phạm nhau, không ai tôn trọng ai. Anh chị sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, cuộc sống không hạnh phúc. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị Hoang Thị H xác nhận chị và anh Nguyễn Văn Đ không ai có con riêng, anh chị có 02 người con chung. Cháu thứ nhất là Nguyễn Văn Đ 1, sinh ngày 20/4/1998, hiện nay cháu đã trưởng thành, nên chị không đề nghị giải quyết. Cháu thứ hai là Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 12/8/2005, hiện nay đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Q.

Về tài sản chung: Chị H xác định anh chị không có tài sản chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị H xác định trong thời gian chung sống anh chị không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào và không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh nhất trí và công nhận đúng như lời trình bày của chị Hoàng Thị H về các mối quan hệ. Anh cũng xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn và đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Hoàng Thị H; Về con anh nhất trí để chị Hoàng Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung và vay nợ chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án: qua xác minh tại chính quyền địa phương và lời khai của người làm chứng thể hiện: Chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 20/4/1998 *(Hiện nay cháu đã trưởng thành)* và cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 12/8/2005, hiện nay cháu Q đang sinh sống cùng chị H tại thôn L 1, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Còn anh Đ đã về thôn N, xã L sinh sống từ năm 2012 đến nay.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Q - sinh ngày 12/8/2005 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Hoàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Do đó quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận. Mặc dù anh chị chung sống với nhau một thời gian dài nhưng không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đến nay, anh chị đều xác định là không còn tình cảm và đề nghị được ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên bố không công

nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, đúngquy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Q đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Xét thấy chị H là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập bình quân đảm bảo cuộc sống, trong thời gian anh chị sống ly thân cháu Q ở cùng chị H hai bên không sảy ra tranh chấp gì. Bản thân cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với chị H. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự ổn định cuộc sống ăn ở và học tập của cháu Q và phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và đúng quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 14, 15, 53, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị H:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 12/8/2005 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn Đ không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004387 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Hoàng Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (4);
- CCTHADS (1);
- UBND xã V (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Sông Hương **Vi Thị Loan** **Trần Văn Nghĩa**